

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 14/2018/HSST

Ngày: 31/05/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Y Dương Niê

- Ông Nguyễn Quốc Sự

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Buôn Đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa:

- Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Buôn Đơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2018/HSST ngày 24 tháng 04 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng L: sinh ngày 12/9/1991, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12;

Con ông: Nguyễn Ngọc T – Sinh năm: 1968 và bà Vũ Thị M - Sinh năm 1970;

Vợ: Lê Thị L – Sinh năm 1993; có 01 con sinh năm 2015.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Đức H – sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Y, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn 14A, xã Y, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn 7, xã Y, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức H phạm tội trộm cắp tài sản, ngày 19/3/2018 bị Tòa án nhân dân Huyện Buôn Đơn xử phạt 3 năm 6 tháng tù. Quá trình điều tra mở rộng vụ án Trần Đức H trộm cắp tài sản, xác định Nguyễn Hoàng L, trú tại thôn X, xã Y,

Huyện E, tỉnh Đắk Lắk có hành vi cầm cố tài sản do Trần Đức H trộm cắp cụ thể:

Khoảng 22 giờ, ngày 30 tháng 05 năm 2017, Trần Đức H đến nhà Nguyễn Hoàng L đặt vấn đề cầm cố 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 48D1-1555 với giá 4.000.000 đồng, L đồng ý nhưng không có tiền nên mượn Nguyễn Thành L, cư trú xã Y, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk số tiền 4.500.000 đồng, đưa cho Trần Đức H 4.000.000 đồng. Khi cầm cố tài sản này L không biết chiếc xe mô tô này do H trộm cắp mà có.

Ngày 07 tháng 06 năm 2017, Trần Đức H tiếp tục cầm cố cho L 01 xe mô tô biển kiểm soát 47S1 – 099.10 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị M với giá 4.000.000 đồng. Khi cầm cố chiếc xe này L không biết đây là tài sản do H trộm cắp mà có, bản thân L đã sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện đi lại.

Trong quá trình điều tra vụ án “Trộm cắp tài sản” đối với Trần Đức H, khi được Cơ quan điều tra Công an Huyện Buôn Đôn thông báo, Nguyễn Hoàng L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 48D1-1555; hiệu YAMAHA; số máy: 5C6H-102410; số khung: RLCS5C6H0EY1024341 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn N – sinh năm 1990, thường trú tại: Khối 7, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông do Trần Đức H trộm cắp ngày 30/5/2017.

Đối với chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 47S1-099.10, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Buôn Đôn đã mời L lên làm việc, thông báo cho L biết đây là tài sản do Trần Đức H trộm cắp ngày 07 tháng 06 năm 2017 của bà Lê Thị M; Sinh năm: 1960, cư trú tại thôn 5, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B cần thu giữ để giải quyết vụ án. Kể từ khi được Cơ quan cảnh sát điều tra thông báo, L biết rất rõ đây là tài sản do Trần Đức H trộm cắp mà có, nhưng do sợ không có cơ hội thu lại số tiền 4.000.000 đồng đã đưa cho Trần Đức H, nên L cố tình không giao nộp chiếc xe mô tô BKS 47S1-099.10, để tránh bị cơ quan điều tra phát hiện, ngày 25/9/2017 L đã giao chiếc xe mô tô BKS 47S1 – 099.10 và giấy đăng ký xe mang tên Lê Thị M cho bạn là Nguyễn Văn T mượn đi làm công nhân tại tỉnh Bình Phước. Ngày 21/12/2017, biết không thể tiếp tục che giấu được hành vi của mình, Nguyễn Hoàng L đã khai ra chỗ ở của Nguyễn Văn T và Cơ quan điều tra Công an Huyện Buôn Đôn đã xuống tỉnh Bình Phước thu giữ chiếc xe mô tô BKS 47S1-099.10.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KL-ĐGTS, ngày 25/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát BKS 47S1-099.10; nhãn hiệu nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius; Số máy 5C6H104492; Số khung C6H0EY104533, có giá trị là 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Trong vụ án này, Nguyễn Văn T là người được Nguyễn Hoàng L cho mượn xe mô tô BKS 47S14 – 099.10, nhưng T không biết xe mô tô trên là tài sản do L phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 20 tháng 04 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng L về tội: “Tiêu thụ tài

sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoàng L thành khẩn khai nhận hành vi do bị cáo thực hiện việc nhận cầm cố xe mô tô mang biển kiểm soát BKS 47S1-099.10; nhãn hiệu nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius; Số máy 5C6H104492; Số khung C6H0EY104533. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Buôn Đôn sau khi đánh giá tính chất vụ án, phân tích đánh giá các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm h,p khoản 1 Điều 46, khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng L từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô BKS 47S1 – 099.10 là tài sản do Trần Đức H trộm cắp mà có, đã được giải quyết xong tại Bản án số 06/2018/HSST, ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Buôn Đôn nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án số 06/2018/HSST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Buôn Đôn nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo L thừa nhận luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Buôn Đôn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm mà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Hoàng L: Bị cáo vô cùng hối hận về hành vi của mình . Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có điều kiện phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Buôn Đôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Buôn Đôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù

hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở xác định: vào ngày 07/6/2017 bị cáo Nguyễn Hoàng L đã thỏa thuận nhận cầm cố của Trần Đức H 01 xe mô tô biển kiểm soát 47S1-099.10 kèm theo giấy đăng ký xe mang tên Lê Thị M với giá 4.000.000đ, lúc này L không biết chiếc xe này do H trộm cắp mà có. Đến ngày 25/9/2017 bị cáo đã biết rõ chiếc xe mô tô này do H trộm cắp mà có và mặc dù sau đó được Cơ quan điều tra thông báo và yêu cầu giao nộp xe nhưng bị cáo cố tình không giao nộp mà giao chiếc xe mô tô BKS 47S1 – 099.10 và giấy đăng ký xe cho bạn là Nguyễn Văn T mượn sử dụng đi làm công nhân tại tỉnh Bình Phước nhằm che dấu hình vi tiêu thụ tài sản của mình.

Bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi nói trên. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Xét quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Buôn Đôn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Hoàng L phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 250 Bộ luật hình sự 1999 quy định:

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hoàng L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự .

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nên thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Buôn Đôn đề nghị áp dụng đối bị cáo là có căn cứ pháp luật và thỏa đáng nên Hội đồng xét xử cần xem xét trong việc quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án số 06/2018/HSST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Buôn Đôn nên không đề cập giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển kiểm soát 47S1-099.10 đã được trả lại cho chủ sở hữu theo bản án số 06/2018/HSST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Buôn Đôn nên không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo qui định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h,p khoản 1 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng L 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng L cho Ủy ban nhân dân xã Y, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì giải quyết theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND Huyện Buôn Đôn;
- Công an Huyện Buôn Đôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS Huyện Buôn Đôn;
- Công an Huyện Buôn Đôn;
- Cơ quan THA.HS Huyện Buôn Đôn;
- Lưu HS; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Sỹ Thành